

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM BẢNG  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-4-2021

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thọ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ngọc Luân.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn S, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Văn S trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 15-9-2001 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không tu chí làm ăn mà chỉ mãi chơi bời, cờ bạc, ngoài ra anh S còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên tháng 10-2019 chị đã thuê nhà ra ở riêng cùng với các con, anh chị li thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên và đoàn thể, chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn S.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Vũ Văn S, đồng thời nhiều lần triệu tập anh S đến trụ sở Tòa án để giải quyết về việc chị D xin ly hôn anh, nhưng anh S đều cố tình vắng mặt. Tuy nhiên, bố đẻ anh S là ông Vũ Văn C đã đến Tòa án trình bày về việc anh S đang có mặt và làm ăn sinh sống tại thôn X, xã N, huyện K, anh S đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các giấy triệu tập của Tòa án, ông đã động viên anh S đến Tòa án để giải quyết nhưng anh S nói kệ chị D tự giải quyết ly hôn một mình. Ngoài ra, ông C cũng cung cấp: Anh S và chị D có đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn và ly thân nhau từ hai năm nay là thực tế.

Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng cũng đã tiến hành làm việc với chính quyền địa phương xã N, huyện K và được chính quyền địa phương cung cấp: Anh Vũ Văn S là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã N, huyện K và vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương. Việc mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh S xảy ra là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn và trong sinh hoạt, vợ chồng nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính với người khác, từ đó anh chị thường xuyên xảy ra xô xát căng thẳng. Từ khoảng tháng 10-2019 chị D đã thuê nhà để ở riêng, anh chị li thân nhau từ đó và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị D xác định vợ chồng anh chị có ba con chung là Vũ Thị Ng, sinh ngày 01-9-2002, Vũ Văn N, sinh ngày 28-6-2004 và Vũ Thị A, sinh ngày 03-9-2011, hiện nay cháu N và cháu A đang ở với chị. Cháu Ng hiện nay đã trưởng thành, lao động tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu N và

cháu A chưa đủ 18 tuổi, quan điểm của chị xin được nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh S góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị là 1.000.000 đồng/1 cháu/tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về con riêng: Chị Dxác định không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn là chị D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh S vắng mặt không có lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, vi phạm các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị D và anh Vũ Văn S. Về con chung: Giao cháu Vũ Văn N, sinh ngày 28-6-2004 và cháu Vũ Thị A, sinh ngày 03-9-2011 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng/cháu theo yêu cầu của chị D. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Vũ Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị D và anh Vũ Văn S là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 15-9-2001 tại UBND xã N,

huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế cũng như trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng nghi ngờ nhau có quan hệ tình cảm với người khác, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, căng thẳng. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh S; còn anh S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa để giải quyết việc ly hôn. Theo xác minh tại địa phương và người thân của anh S thì mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh S xảy ra là thực tế, mặc dù đã được chính quyền, đoàn thể địa phương và gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, từ tháng 10- 2019 đến nay anh chị li thân nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau nữa. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị D và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị D được ly hôn anh S là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị D và anh S có ba con chung là Vũ Thị Ng, sinh ngày 01-9-2002, Vũ Văn N, sinh ngày 28-6-2004 và Vũ Thị A, sinh ngày 03-9-2011. Hiện nay cháu Ng đã trên 18 tuổi, lao động tự lập được, chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn lại cháu N và cháu A chưa đủ 18 tuổi, xét thấy từ khi anh chị li thân nhau đến nay các cháu đều ở cùng với chị D và được chị nuôi dưỡng, chăm sóc ăn học ổn định; ngoài ra bản thân chị D làm nghề kinh doanh, có thu nhập ổn định, có xác nhận của chính quyền địa phương, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cho chị D được quyền nuôi dưỡng cháu N và cháu A, buộc anh S phải có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị D 1.000.000 đồng/1 cháu/tháng là hoàn toàn phù hợp với các Điều 81, 82, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Vũ Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Văn N, sinh ngày 28-6-2004 và cháu Vũ Thị A, sinh ngày 03-9-2011 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu A cho chị D 1.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng, kể từ tháng 4-2021 cho đến khi cháu N và cháu A đủ 18 tuổi.

Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Án phí:

- Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004233 ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị D đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

- Anh Vũ Văn S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị D biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh S vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Thọ**









